

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 18-3-2021

V/v: Ly hôn giữa anh Đ và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiểm

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Dương Quang Đ - Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm 12 - xã Y - huyện Y1 - tỉnh Nam Định

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Quảng Nạp - xã Y2 - huyện Y1 - tỉnh Nam Định.

+ **Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh Dương Quang Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Dương Quang Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y - huyện Y1 - tỉnh Nam Định vào ngày 26/12/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N ứng xử và coi thường chồng và gia đình nhà chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Anh và chị N đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Điều kiện kết hôn, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của anh Đ là đúng.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, đã có lần chị viết đơn xin ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đồng ý với việc xin ly hôn của anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị, sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Dương Quang Đ và chị Nguyễn Thị N .

2. Về con chung: Giao cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Dương Quang Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và tự lập được.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Anh Đ và chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 16/12/2020, anh Dương Quang Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con chung 2 triệu đồng/1 tháng. Với thu nhập hiện tại anh chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con chung từ 750.000 đồng đến 1.000.000 đồng/1 tháng, vì vậy anh đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại mức cấp dưỡng nuôi con chung cho phù hợp với thu nhập của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn anh Dương Quang Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Hiện tại anh Đ đang thất nghiệp, mức thu nhập của anh không đảm bảo, nên anh Đ chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/ tháng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế thu nhập của anh Đ để xem xét giải quyết.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Không nhất trí với kháng cáo của anh Đ về mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/ 1 tháng do hiện tại chị đang nuôi con tại Hà Nội, chi phí hàng tháng sinh hoạt cho con nhỏ là rất lớn đề nghị hội đồng xét buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 3 triệu đồng/ 1 tháng, nếu anh Đ không đồng ý đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, trên cơ sở thu nhập của anh Dương Quang Đ, đã buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2 triệu đồng/1 tháng là hoàn toàn phù hợp với thực tế và có căn cứ pháp lý. Anh Dương Quang Đ đưa ra các ý kiến trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung xuống từ 750.000 đồng đến 1.000.000 đồng/1 tháng là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp thực tế. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn Dương Quang Đ làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 296 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt chị N.

[2] Xét nội dung kháng cáo thấy:

Anh Dương Quang Đ và chị Nguyễn Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y - huyện Y1 - tỉnh Nam Định, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Cấp sơ thẩm đã xử cho ly hôn giữa anh Dương Quang Đ và chị Nguyễn Thị N là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, nhận thấy hiện nay con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019 - chưa đủ 36 tháng tuổi, cấp sơ thẩm đã giao quyền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N là có căn cứ pháp lý, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định của pháp luật, trên cơ sở thu nhập thực tế của anh Đ và để bảo đảm các chi phí phục vụ cho việc nuôi dưỡng con chung, cấp sơ thẩm đã buộc anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1 tháng là có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Dương Quang Đ trình bày kháng cáo đưa ra các lý do đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức trợ cấp nuôi con chung là không có căn cứ pháp lý - không phù hợp thực tế, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Dương Quang Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải nộp án phí phúc thẩm dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Quang Đ, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Dương Quang Đ và chị Nguyễn Thị N .

2.2. Về con chung: Giao cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/10/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Dương Quang Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được.

Anh Dương Quang Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về án phí:

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Quang Đ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Đ đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001630 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, xác định anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh ND
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Kiểm
Đã ký